

LD VIETSOVPEIRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/09/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK20+SAVR	7:25	4+17	0+0	0+22	0+0		
2		CTK3+P9+CNV	7:25	14+0+7	0+0+0	14+1+7	0+0+0		
3		CTK3+BK8	9:25	21+0	0+0	18+4	0+0		
4		TTC2+P8+BK14	9:25	0+0+14	0+0+0	1+0+21	0+0+0	CHUYEN 4 TTC2-P8	
5		BK9+BK20+RC3	11:25	7+6+0	0+0+0	4+8+10	0+0+0		

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ ĐI VỀ TRONG NGÀY BK20-3NG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: BK20 - SAVR	CREW: LINH - SON - TOAN	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM25/3593	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN BA THU	BK20				2	40	53	KH-THAC	Vietnamese
2	VU VAN SY	BK20	61	1	5			59	KH-THAC	Vietnamese
3	LE ĐĂNG MINH ĐỨC	BK20						89	KH-THAC	Vietnamese
4	LE VĂN LAM	BK20	300,62	2	13			72	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM QUANG TRUNG	SAVR	69	1	12			79	D-HANH	Vietnamese
6	VLASOV ALEKSANDR	SAVR	66	1	12			90	KHOAN	Russian
7	NGUYEN HOANG LONG	SAVR	44-45	2	17			86	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ THANH QUANG	SAVR	57-58	2	13			62	BAKER HUO	Vietnamese
9	NGUYEN ANH ĐỨC	SAVR	46	1	5			57	DMC-MI	Vietnamese
10	GORCHAKOV EVGENII	SAVR	47	1	4			86	AMNGR	Russian
11	GUZ MAKSIM	SAVR	55-56	2	14			79	AMNGR	Russian
12	LAPUKHIN VLADIMIR	SAVR	60-61	2	8			87	AMNGR	Russian
13	IURIN VLADIMIR	SAVR	50-51	2	14			78	AMNGR	Russian
14	TERESHONOK MAXIM	SAVR	48-49	2	17			80	AMNGR	Russian
15	KUZNETSOV PAVEL	SAVR	52	1	5			89	AMNGR	Russian
16	ZAPOLSKIKH ANTON	SAVR	63	1	7			114	AMNGR	Russian
17	ASADULLIN ANDREI	SAVR	53-54	2	10			67	AMNGR	Russian
18	GLADYSHEV SERGEI	SAVR	62	1	11			95	AMNGR	Russian
19	NGUYEN BA TUAN	SAVR	68	1	6			54	MINHMINH	Vietnamese
20	LÂM VĂN NHÂN	SAVR	67	1	11			64	MINHMINH	Vietnamese
21	LAM VĂN NGHIA	SAVR	59	1	10			82	MINHMINH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK20	4	273	3	18	2	40	0		
2	SAVR	17	1.349	24	176	0	0	22		
TOTAL		21	1.622	27	194	2	40	22		
WEIGHT KG			1.622		194		40			

GRAND TOAL: 1.856 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN LINH
PHẠM THÁI SON





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: CTK3 - P9 - CNV	CREW: QVIỆT - N.ANH - DTÙNG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM25/3597	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐOÀN QUANG CHUNG	CTK3	800	1	9			74	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI KHÁC PHONG	CTK3	02	1	6			79	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU LƯU	CTK3	84	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG HAI	CTK3	96	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN DAN	CTK3	87-88	2	20			69	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TRẦN ĐỨC MINH	CTK3	98-99	2	20			82	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM XUÂN HOA	CTK3						81	YTE	Vietnamese
8	CU XUÂN HUY	CTK3	199	1	8			61	HVJOC	Vietnamese
9	HOANG TRỌNG VỌ	CTK3	83	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG KIM	CTK3	03	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI VĂN BẮC	CTK3	04	1	3	2	40	51	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM ĐỨC KIỂM	CTK3	95	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM HỒNG SƠN (22126)	CTK3	97	1	10			73	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐÌNH QUYẾT	CTK3	01	1	9			74	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN XUÂN PHÚC	CTK3						71	SAN BAY	Vietnamese
16	ĐỖ QUỐC TÙNG	CNV	92	1	8			83	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI VĂN THAI	CNV	87-88	2	9			69	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM CÔNG DUY	CNV	86	1	6	4	70	66	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM BA HOANG	CNV	89-90	2	16			71	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN HẢO	CNV	91	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐỨC THANH	CNV	85	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN TIẾN CUÔNG	CNV	84	1	4			58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	15	1.069	15	113	2	40	13		INB VÊ GHẾ PHỤ
2	P9	0	0	0	0	0	0	2		
3	CNV	7	492	9	54	4	70	7		
TOTAL		22	1.561	24	167	6	110	22		
WEIGHT KG			1.561		167		110			

GRAND TOAL: 1.838 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGHIÊM VIỆT ANH





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO:CTK3 - TD2	CREW: LINH - SON - TOAN	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM25/3594	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRẦN VĂN KHƯƠNG	CTK3	71	1	6	1	20	77	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN QUYẾT THĂNG	CTK3	93	1	6	7	53	69	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM THANH QUANG	CTK3	76	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HUY HOANG	CTK3						88	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG THIỆU THANH	CTK3	95	1	10			82	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGHĨA TÍN	CTK3	91	1	11			79	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN ĐỨC HẠNH	CTK3	200	1	3			82	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM QUANG THAI	CTK3	77	1	6			89	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN SƠN HÀ	CTK3	90	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ NGUYỄN NHẬT LINH	CTK3						86	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG ĐÌNH QUANG	CTK3	70	1	6			89	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN ĐOAN	CTK3	96	1	4			49	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN ĐẶN QUÊ	CTK3	97	1	11			75	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN NGUYỄN MẠNH TUƠNG	CTK3	75	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ ANH TUAN (21426)	CTK3	72	1	15			78	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN KIM HÀ	CTK3	78-79	2	10			61	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ VĂN MINH	CTK3	98	1	5			78	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH THAI	CTK3	80-81	2	18			82	CTY DVKTI	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH HUNG	CTK3	82,89	2	11			71	CTY DVKTI	Vietnamese
20	PHAN VĂN LỆ	CTK3	73-74	2	14	2	20	69	T-TIN	Vietnamese
21	PHẠM HUY ĐÌNH	CTK3	94-95	2	14			61	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	21	1.577	24	163	10	93	18		
2	TD2	0	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		21	1.577	24	163	10	93	22		
WEIGHT KG			1.577		163		93			

GRAND TOAL: 1.833 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THỦY ANH

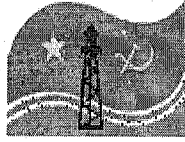
CREW

NGÔ VĂN LINH

PHẠM THÁI SƠN



FLIGHT MANIFEST



VIETSOVPETRO

DATE: 18/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
B.CARD: XANH-2	TO: TTC2 - P8 - BK14	CREW: VIỆT - N.ANH - DTÙNG	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM25/3598	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHẠM VĂN KHANG	BK14	36	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN ĐỨC CƯỜNG	BK14				2	40	82	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN NGUYỄN GIA KINH	BK14	35	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	BK14	42	1	5	1	8	61	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN LAM	BK14	37	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ ĐÌNH HUY	BK14	43	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ VĂN BÌNH	BK14	38,41	2	13			70	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ TRỌNG NGHĨA	BK14	30	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG ĐÌNH SÂM	BK14	31	1	5			84	KH-THAC	Vietnamese
10	CHAU HUNG HUY	BK14	33	1	10			46	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN SỸ ĐIẾP	BK14	39-40	2	12			75	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ TIẾN NGỌC	BK14	44	1	6			81	DK9	Vietnamese
13	PHẠM NGỌC NINH	BK14	32	1	5			80	PSV	Vietnamese
14	TRẦN VĂN HỮU	BK14	34	1	7			65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TTC2	0	0	0	0	4	70	1	4	CHUYEN 4 PAX TTC2-P8
2	P8	0	0	0	0	0	0	0		
3	BK14	14	999	15	93	3	48	21		
TOTAL		14	999	15	93	7	118	22		
WEIGHT KG			999		93		118			

GRAND TOAL: 1.210 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐÌNH THỊ HOA

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: VANG-3	TO: BK9 - BK20 - RC3	CREW: HUNG - HTRUNG - THU	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM25/3595	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	CAO VAN KHA KHA	BK9	39	1	8			83	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN NGOC HIỆP	BK9	42,50	2	12			69	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TIEN DAT	BK9	46-47	2	19	5	79	87	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN TUAN	BK9	43	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG ĐÌNH TUẤN	BK9	45	1	15			75	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYEN QUOC QUAN	BK9	44	1	11	2	30	79	CODIEN	Vietnamese
7	PHẠM VĂN ĐỨC	BK9	40-41	2	17			79	T-TIN	Vietnamese
8	VŨ TRUNG KIẾN	BK20	71-72	2	13			78	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ VĂN CƯỜNG	BK20	74-75	2	19			63	KH-THAC	Vietnamese
10	LƯU SÙNG BA	BK20	76	1	5			62	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC THANH	BK20	79-81	3	19			57	T-TIN	Vietnamese
12	LÊ VĂN LỢI	BK20	77-78	2	17	2	10	59	T-TIN	Vietnamese
13	BUI QUỐC DƯƠNG	BK20	73	1	7			54	PSV	Vietnamese
14	TRAN TUAN ANH	BK20	83	1	12	8	132	71	CO DIEN	Vietnamese
15	NGUYEN XUAN QUANG	BK20	82	1	8			66	CO DIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK9	7	544	10	86	7	109	4		
2	BK20	8	510	13	100	10	142	8		
3	RC3	0	0	0	0	0	0	10		
TOTAL		15	1.054	23	186	17	251	22		
WEIGHT KG			1.054		186		251			

GRAND TOAL: 1.491 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HANG

CREW

LÊ QUÝ HÙNG

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/09/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC6+TD2+TD1	7:25	3+1+17	0+0+0		1+0+21	0+0+0	
2		RP2+BK16+P10+P8	9:25	15+0+0+4	0+0+0+0		14+2+1+5	0+0+0+0	

TTBBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
B.CARD: XANH - 1	TO: RC6 - TD2 - TD1	CREW: VIỆT - NPHÚ - MQUÂN	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM25/3612	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ CÔNG CHÍNH	RC6	89	1	12	2	30	75	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN MẠNH TUNG	RC6	86	1	10	3	31	74	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN HOÀN	RC6	87-88	2	16			70	XAYLAP	Vietnamese
4	KARPUNIN ALEXEY	TD2	39	1	15			99	KHOAN	Russian
5	VŨ VĂN QUY	TD1	88	1	3			57	KHOAN	Vietnamese
6	TRỊNH HUY TOÀN	TD1	90	1	5			64	KHOAN	Vietnamese
7	ĐỖ THANH HOẠT	TD1	83	1	6			84	KHOAN	Vietnamese
8	THAI ĐỨC TOÀN	TD1	74-76	3	14			58	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN GIANG	TD1	93	1	8			66	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG TUẤN ANH	TD1	96-97	2	15			74	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM MINH HIỆU	TD1	79	1	3	3	57	56	KHOAN	Vietnamese
12	DƯƠNG MINH ĐỨC	TD1	81	1	7			68	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TUẤN ANH	TD1	86-87	2	13			62	KHOAN	Vietnamese
14	LƯU THIÊN ĐỨC	TD1	92	1	4			64	KHOAN	Vietnamese
15	HỒ VĂN HẬU	TD1	91	1	6			64	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH LUÂN	TD1	80	1	5			78	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN CHUÔNG	TD1	82	1	15			71	KHOAN	Vietnamese
18	HOANG XUÂN THI	TD1	89	1	4			73	KHOAN	Vietnamese
19	KIỀU VĂN HUÂN	TD1	77-78	2	14			64	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN NAM (KS)	TD1	94-95	2	20			77	DVL	Vietnamese
21	TRẦN ANH VINH	TD1	84	1	8			60	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC6	3	219	4	38	5	61	1		
2	TD2	1	99	1	15	0	0	0		
3	TD1	17	1.140	23	150	3	57	21		
TOTAL		21	1.458	28	203	8	118	22		
WEIGHT KG			1.458		203		118			

GRAND TOAL: 1.779 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

ĐÀO NGỌC PHÚ





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
B.CARD: XANH-2	TO:RP2 - BK16 - P10 - P8	CREW: QVIỆT - NPHÚ - MQUÂN	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM25/3613	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRẦN QUỐC ĐẠI	RP2	91-92	2	16			82	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TIẾN QUY	RP2	88	1	10			75	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ VĂN HIỆU	RP2	89	1	11			78	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN NHẬT KIM LONG	RP2	90	1	12			55	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ PHÚC HOÀNG	RP2	87	1	18			87	XAYLAP	Vietnamese
6	BUI VĂN THỊNH	RP2	38	1	13			73	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN DUY ANH	RP2	93-94	2	19			66	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐẠO HAI TÙNG	RP2	84	1	15			77	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN QUANG KHU	RP2	81	1	11			67	XAYLAP	Vietnamese
10	VŨ NGỌC HIỆU	RP2	79	1	10	1	12	66	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ HỮU CƯỜNG	RP2	97-98	2	21			78	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH QUÂN	RP2	82-83	2	17			60	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN LINH	RP2	85-86	2	20			57	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC QUANG	RP2	80	1	16			60	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC TÀI	RP2	95-96	2	15			75	XAYLAP	Vietnamese
16	PHẠM NGỌC CHI	P10	99	1	4			58	PSV	Vietnamese
17	LUKSANAPRIM CHANATEP	P8	98	1	10	1	14	69	BAKER HUC	Thailand
18	CAO KINH THAO	P8	01-02	2	20	1	15	71	T-TIN	Vietnamese
19	LÊ NGUYỄN DUY THÔNG	P8	99	1	6			50	PSV	Vietnamese
20	TRẦN ĐÌNH QUANG	P8	800	1	6			68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP2	15	1.056	21	224	1	12	14		
2	BK16	0	0	0	0	0	0	2		
3	P10	1	58	1	4	0	0	1		
4	P8	4	258	5	42	2	29	5		
TOTAL		20	1.372	27	270	3	41	22		
WEIGHT KG			1.372		270		41			

GRAND TOAL: 1.683 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

ĐÀO NGỌC PHÚ

